

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự thảo văn bản: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản đang quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung)	Điều 16, Điều 17a, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nghị định sửa đổi, bổ sung được Chính phủ ban hành theo đúng thẩm quyền; nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Luật Công nghiệp công nghệ số.
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒

	- Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒
--	--

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tên thủ tục hành chính được sửa đổi từ “Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)” thành “Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số”. Việc sửa tên phù hợp với phương án bãi bỏ thủ tục hành chính cấp Trung ương đối với trường hợp hoạt động thử nghiệm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trở lên; đồng thời phản ánh đầy đủ hai trường hợp thực hiện thủ tục tại cấp tỉnh.
--	--

2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Dự thảo quy định rõ hai trường hợp thực hiện thủ tục: (1) thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát; (2) thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát. Đối với trường hợp thứ nhất, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ theo Điều 24 và cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo trình tự chung tại Điều 25. Đối với trường hợp thứ hai, hồ sơ khi nộp chỉ gồm Đơn theo Mẫu số TNCNS01; Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, thẩm định trên cơ sở Quyết định xác định khu vực và Phương án tổ chức khu vực, không đánh giá, thẩm định lại các nội dung chung đã được xác định; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép trong thời hạn 25 ngày làm việc. Kết quả giải quyết thực hiện theo Mẫu số TNCNS02.
--	---

b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai đầy đủ, trung thực, cung cấp thông tin, tài liệu làm rõ khi được yêu cầu và thực hiện đúng nội dung được cấp phép. Đối với hoạt động ngoài khu vực thử nghiệm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là người có thẩm quyền quyết định cấp phép. Đối với hoạt động trong khu vực thử nghiệm, Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép. Bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan liên quan phối hợp quản lý nhà nước, xử lý vấn đề phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Dự thảo không thiết kế thủ tục này theo cơ chế liên thông bắt buộc giữa nhiều cơ quan. Mỗi trường hợp được giải quyết bởi một đầu mối có thẩm quyền theo Điều 16; việc phối hợp của bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan liên quan là hoạt động quản lý nhà nước, không phải bước bắt buộc trong quy trình giải quyết hồ sơ.
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: Dự thảo không bổ sung bước kiểm tra, đánh giá hoặc xác minh thực tế bắt buộc như một bộ phận của thủ tục hành chính. Đối với hồ sơ trong khu vực thử nghiệm, Sở Khoa học và Công nghệ có thể yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu để làm rõ nội dung riêng chưa được xác định tại Quyết định xác định khu vực và Phương án tổ chức khu vực; đây không phải là thành phần hồ sơ bắt buộc phát sinh ngay khi nộp hồ sơ.
3. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (Mẫu số TNCNS01)	- Nêu rõ lý do quy định thành phần hồ sơ: Mẫu số TNCNS01 được sửa đổi để sử dụng chung cho hai trường hợp thử nghiệm; trường hợp thử nghiệm trong khu vực phải ghi rõ tên khu vực, Quyết định xác định khu vực, phạm vi dự kiến thử nghiệm và cơ chế pháp lý áp dụng. - Yêu cầu về hình thức: Thực hiện theo Mẫu số TNCNS01 ban hành kèm theo Nghị định; không yêu cầu chứng thực, công chứng ngoài quy định. Lý do quy định: Bảo đảm cơ quan có thẩm quyền xác định đúng trường hợp xử lý, phạm vi thẩm định và cơ chế pháp lý áp dụng; đồng thời bảo đảm thông tin thống nhất với Quyết định xác định khu vực và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm.

b) Tên thành phần hồ sơ 2: Các tài liệu quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 24 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP (chỉ áp dụng đối với thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát)	- Nêu rõ lý do quy định thành phần hồ sơ: Các tài liệu gồm: (1) Kế hoạch thử nghiệm; (2) Báo cáo đánh giá tác động; (3) Báo cáo đánh giá lợi ích, tính mới, giá trị mới, đổi mới sáng tạo và khả năng thương mại hóa; (4) Phương án bảo đảm an toàn; (5) Phương án kỹ thuật. Các tài liệu này cần thiết để cơ quan có thẩm quyền thẩm định toàn bộ khung thử nghiệm đối với hoạt động không thực hiện trong khu vực thử nghiệm. - Đối với thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát: không yêu cầu tài liệu kèm theo khi nộp hồ sơ; trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu làm rõ theo điểm b khoản 7 Điều 24, nhưng không yêu cầu cung cấp lại nội dung đã được xác định tại Quyết định xác định khu vực và Phương án tổ chức khu vực.
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: Đối với thử nghiệm không thực hiện trong khu vực, việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí tại Điều 15 được thể hiện qua Đơn và các tài liệu tại khoản 2 đến khoản 6 Điều 24. Đối với thử nghiệm trong khu vực, tổ chức, doanh nghiệp kê khai tại Mẫu số TNCNS01; cơ quan giải quyết đối chiếu với điều kiện, tiêu chí tại Điều 15, yêu cầu tại Điều 17a, Quyết định xác định khu vực và Phương án tổ chức khu vực. Dự thảo không đặt thêm thành phần hồ sơ bắt buộc ngoài Mẫu số TNCNS01 khi nộp hồ sơ trong khu vực.
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
4. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, thời hạn là 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Đối với thử nghiệm không thực hiện trong khu vực, trình tự, thời hạn thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; dự thảo thay cụm từ “15 ngày” bằng “11 ngày làm việc” tại khoản 3 và khoản 5 Điều 25. Lý do quy định: Thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đối với thử nghiệm trong khu vực, các nội dung chung đã được xác định trước nên không phải đánh giá, thẩm định lại.

b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định: Mỗi trường hợp thực hiện thủ tục do một cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết theo Điều 16; không phát sinh thời hạn chuyển giao hồ sơ bắt buộc giữa nhiều cơ quan cùng có thẩm quyền quyết định.
5. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Dự thảo phân định rõ cơ quan, người có thẩm quyền theo từng trường hợp. Đối với thử nghiệm không thực hiện trong khu vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép. Đối với thử nghiệm trong khu vực, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Dự thảo đã mở rộng phân quyền, phân cấp theo hướng bãi bỏ nhóm thủ tục hành chính cấp Trung ương đối với hoạt động thử nghiệm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trở lên; đồng thời giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực. Không đề xuất phân cấp tiếp xuống cấp dưới do hoạt động thử nghiệm có thể liên quan đến cơ chế pháp lý đặc thù, yêu cầu kỹ thuật, an toàn và kiểm soát rủi ro.
6. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Mẫu hóa bảo đảm tổ chức, doanh nghiệp cung cấp thống nhất các thông tin cần thiết về chủ thể, sản phẩm, dịch vụ, nội dung, phạm vi, trường hợp thử nghiệm và cơ chế pháp lý áp dụng; hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, phân loại và thẩm định hồ sơ.

b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Mẫu số TNCNS01 - Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nhóm 1: Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp. Lý do: xác định tư cách và chủ thể đề nghị thực hiện thử nghiệm. + Nhóm 2: Thông tin về sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số và mục tiêu thử nghiệm. Lý do: xác định đối tượng và mục tiêu cần quản lý. + Nhóm 3: Thời gian, không gian, nội dung, phạm vi, quy mô, đối tượng thử nghiệm và đề xuất cơ chế pháp lý đối với trường hợp ngoài khu vực. Lý do: xác định giới hạn và nội dung hoạt động thử nghiệm. + Nhóm 4: Trường hợp thử nghiệm. Trường hợp thử nghiệm trong khu vực phải ghi tên khu vực, Quyết định xác định khu vực, phạm vi dự kiến thử nghiệm và cơ chế pháp lý áp dụng. Lý do: xác định đúng nhánh xử lý hồ sơ. + Nhóm 5: Danh mục tài liệu kèm theo. Đối với thử nghiệm trong khu vực, không yêu cầu tài liệu kèm theo khi nộp hồ sơ; việc cung cấp thông tin, tài liệu làm rõ thực hiện theo điểm b khoản 7 Điều 24. + Nhóm 6: Cam kết của tổ chức, doanh nghiệp. Lý do: xác lập trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và việc tuân thủ cơ chế pháp lý, nội dung được cấp phép. - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒ Mẫu chỉ yêu cầu người đại diện hợp pháp ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có); không yêu cầu xác nhận của cơ quan, tổ chức khác.
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
7. Kết quả thực hiện	

a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Mẫu số TNCNS02 được sửa đổi để sử dụng chung cho hai trường hợp thử nghiệm. Đối với thử nghiệm trong khu vực, Quyết định ghi rõ tên khu vực và áp dụng cơ chế pháp lý đã được xác định tại Quyết định xác định khu vực trong phạm vi liên quan đến hoạt động được cấp phép; đồng thời xác định cụ thể thời gian, không gian, nội dung, phạm vi, quy mô và đối tượng thử nghiệm.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☒ Không ☐ Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thử nghiệm được ghi trong Quyết định. Thời gian thử nghiệm được xác định cụ thể trong hồ sơ và Quyết định cấp phép, phù hợp với giới hạn thời gian thử nghiệm theo Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☐ Địa phương ☒ Lý do: Đối với thử nghiệm không thực hiện trong khu vực, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có hiệu lực trong phạm vi hoạt động thuộc địa bàn quản lý. Đối với thử nghiệm trong khu vực, Quyết định của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chỉ áp dụng trong ranh giới hoặc giới hạn kỹ thuật của khu vực thử nghiệm đã được xác định.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	

Họ và tên người điền:

Điện thoại cố định:; Di động:

E-mail:

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản đang quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung)</i>	Điều 16, Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nghị định sửa đổi, bổ sung được Chính phủ ban hành theo đúng thẩm quyền; nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Luật Công nghiệp công nghệ số.
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sửa tên thủ tục hành chính từ “Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)” thành “Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số”. Việc sửa tên phù hợp với phương án bãi bỏ thủ tục hành chính cấp Trung ương đối với trường hợp hoạt động thử nghiệm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trở lên; đồng thời bảo đảm tên thủ tục ngắn gọn và phản ánh đúng nội dung giải quyết.

4. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Dự thảo thay cụm từ “15 ngày” bằng “11 ngày làm việc” tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Lý do quy định: Việc rút ngắn thời hạn nhằm thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian chờ đợi và chi phí tuân thủ; đồng thời vẫn bảo đảm thời gian cần thiết để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thử nghiệm.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định: Mỗi hồ sơ do một cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết theo Quyết định cấp phép thử nghiệm và Điều 16; không phát sinh thời hạn chuyển giao bắt buộc giữa nhiều cơ quan cùng có thẩm quyền quyết định.
5. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Đối với hoạt động thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, thẩm quyền giải quyết thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là người đã cấp phép thử nghiệm. Đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, thẩm quyền giải quyết thuộc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ theo Điều 16 và khoản 5 Điều 17a dự thảo Nghị định.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Điện thoại cố định:; Di động: E-mail:	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản đang quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung)</i>	Điều 16, Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nghị định sửa đổi, bổ sung được Chính phủ ban hành theo đúng thẩm quyền; nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Luật Công nghiệp công nghệ số.
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sửa tên thủ tục hành chính từ “Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)” thành “Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số”. Việc sửa tên phù hợp với phương án bãi bỏ thủ tục hành chính cấp Trung ương đối với trường hợp hoạt động thử nghiệm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trở lên; đồng thời bảo đảm tên thủ tục ngắn gọn và phản ánh đúng nội dung giải quyết.
4. Thời hạn giải quyết	

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Dự thảo thay cụm từ “15 ngày” bằng “11 ngày làm việc” tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Lý do quy định: Việc rút ngắn thời hạn nhằm thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian chờ đợi và chi phí tuân thủ; đồng thời vẫn bảo đảm thời gian cần thiết để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc kết thúc thử nghiệm.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định: Mỗi hồ sơ do một cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết theo Quyết định cấp phép thử nghiệm và Điều 16; không phát sinh thời hạn chuyển giao bắt buộc giữa nhiều cơ quan cùng có thẩm quyền quyết định.
5. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Đối với hoạt động thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, thẩm quyền giải quyết thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là người đã cấp phép thử nghiệm. Đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, thẩm quyền giải quyết thuộc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ theo Điều 16 và khoản 5 Điều 17a dự thảo Nghị định.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Điện thoại cố định:; Di động: E-mail:	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 4: Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản đang quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung)</i>	Điều 16, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Nghị định sửa đổi, bổ sung được Chính phủ ban hành theo đúng thẩm quyền; nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Luật Công nghiệp công nghệ số.
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sửa tên thủ tục hành chính từ “Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)” thành “Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số”. Việc sửa tên phù hợp với phương án bãi bỏ thủ tục hành chính cấp Trung ương đối với trường hợp hoạt động thử nghiệm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trở lên; đồng thời bảo đảm tên thủ tục ngắn gọn và phản ánh đúng nội dung giải quyết.

4. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Dự thảo thay cụm từ “15 ngày” bằng “11 ngày làm việc” tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Lý do quy định: Việc rút ngắn thời hạn nhằm thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian chờ đợi và chi phí tuân thủ; đồng thời vẫn bảo đảm thời gian cần thiết để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh thử nghiệm.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định: Mỗi hồ sơ do một cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết theo Quyết định cấp phép thử nghiệm và Điều 16; không phát sinh thời hạn chuyển giao bắt buộc giữa nhiều cơ quan cùng có thẩm quyền quyết định.
5. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Đối với hoạt động thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, thẩm quyền giải quyết thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là người đã cấp phép thử nghiệm. Đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, thẩm quyền giải quyết thuộc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ theo Điều 16 và khoản 5 Điều 17a dự thảo Nghị định.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Điện thoại cố định:; Di động: E-mail:	